

Bản án số;;
Ngày 25/6/2026;
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - HÀ NỘI.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đăng Lý;

Ông Nguyễn Văn Đức;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải - Thư ký Toà án Khu vực 10 -Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 10 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý 347/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026; về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2026/HNGĐ ngày 08/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Quỳnh T**, sinh ngày 04/03/1996; CCCD số 024196005713 cấp ngày 05/5/2022; nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH; Nơi ĐKKHKT: **Thôn Y, xã H, thành phố Hà Nội; nơi ở: Thôn H, xã L, tỉnh Bắc Ninh;** vắng mặt;

- Bị đơn: Anh **Kiều Xuân T1**, sinh năm 1995; CCCD số 001095033590, cấp ngày 27/9/2022; nơi cấp: **Cục C**; địa chỉ: **Thôn Y, xã H, thành phố Hà Nội;** ĐT: 0522928218; có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Quỳnh T trình bày:

Chị và anh **Kiều Xuân T1** tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 04/02/2026 tại **UBND xã H**, thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2026. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nghiêm trọng và kéo dài không thể hòa giải. Anh **Kiều Xuân T1** không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người chồng, người cha, thiếu sự quan tâm, chăm sóc vợ con,

giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra, anh T1 còn có thái độ không tôn trọng gia đình chị làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng và gia đình hai bên. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Kiều Phúc N, sinh ngày 25/01/2026. Sau ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng kể từ tháng 7/2026 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn.

Bị đơn trình bày: Về thời gian kết hôn và quá trình mâu thuẫn chị T trình bày là không đúng sự thật, Anh thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cách sinh hoạt hàng ngày. Tuy nhiên, những mâu thuẫn này chưa đến mức trầm trọng, chưa làm cho đời sống hôn nhân hoàn toàn mất đi ý nghĩa và vẫn còn khả năng khắc phục nếu cả hai bên cùng thiện chí nhìn nhận, chia sẻ và sửa đổi. Từ khi kết hôn đến nay anh luôn cố gắng xây dựng hạnh phúc gia đình, luôn có trách nhiệm với vợ con, toàn bộ tiền lương và thu nhập của anh đều dùng cho gia đình. Anh luôn coi trọng gia đình và mong muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình, anh sẵn sàng thay đổi, khắc phục những tồn tại để vợ chồng có thể tiếp tục chung sống nên chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Kiều Phúc N, sinh ngày 25/01/2026. Nếu phải ly hôn anh mong muốn được nuôi con vì anh có đủ điều kiện về kinh tế, thời gian và môi trường sống để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu. Nếu được giao nuôi con anh cam kết bảo đảm mọi điều kiện vật chất, tinh thần cho cháu và tạo điều kiện tối đa để mẹ con cháu được thăm nom nhau.

Về cấp dưỡng nuôi con: Từ khi cháu sinh ra cho đến nay anh vẫn thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người cha, thường xuyên quan tâm chu cấp và chăm lo cho cháu, hàng tháng anh vẫn gửi tiền cho chị T để nuôi con. Do vậy, chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì anh không đồng ý, anh tự cấp dưỡng nuôi con theo khả năng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề ngày 22/6/2026, chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con số tiền 4.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 7/2026 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Nếu trường hợp anh T1 không đồng ý thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì chị tự nguyện nuôi dưỡng con và không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Quỳnh T**; cho chị **T** được ly hôn anh **T1**; giao con chung cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng; Chị **T** không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cho anh **T1** đến khi chị **T** có yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: không xem xét tài sản chung và nợ chung.

Về án phí: Chị **T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1 Về tố tụng: Anh **Kiều Xuân T1** hiện cư trú tại **thôn Y, xã H, Thành phố Hà Nội** nên chị **T** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hà Nội giải quyết ly hôn với anh **T1** là đúng thẩm quyền theo Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 Luật số 85/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật pháp người chưa thành niên, Luật sản và Luật giải, đối thoại tại Tòa án.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là có căn cứ.

[2 Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Quỳnh T** và anh **Kiều Xuân T1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn và kiên quyết xin ly hôn. Mặc dù anh **T1** không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận giữa vợ chồng có những bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống chung.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trong thời gian dài, các bên không còn sự quan tâm, chia sẻ cần thiết để duy trì hạnh phúc gia đình. Việc chị **T** kiên quyết xin ly hôn chứng tỏ tình cảm vợ chồng thực tế đã rạn nứt, đời sống chung không còn khả năng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **T** theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] **Về con chung:** Con chung của chị **T** và anh **T1** là cháu **Kiều Phúc N**, sinh ngày 25/01/2026. Xét thấy cháu **N** hiện còn rất nhỏ cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Mặt khác, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn và gia đình năm 2014: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao cháu **Kiều Phúc N** cho chị **Nguyễn Thị Quỳnh T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con xét thấy: Tại phiên tòa anh **T1** trình bày hàng tháng anh vẫn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị **T** nên anh sẽ tự cấp dưỡng theo khả năng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và tại đơn đề nghị ngày 22/6/2026, chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này. Nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh **T1** đến khi chị **T** có yêu cầu.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Về án phí:** Chị **Nguyễn Thị Quỳnh T** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Quỳnh T**.

2. **Về hôn nhân:** Chị **Nguyễn Thị Quỳnh T** được ly hôn với anh **Kiều Xuân T1**.

3. **Về con chung:** Giao cháu **Kiều Phúc N**, sinh ngày 25/01/2026 cho chị **Nguyễn Thị Quỳnh T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Anh **Kiều Xuân T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. **Về cấp dưỡng nuôi con:** Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh **Kiều Xuân T1** đến khi chị **Nguyễn Thị Quỳnh T** có yêu cầu.

5. **Về tài sản chung, nợ chung:** Không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Quỳnh T** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012469 ngày 25/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội;

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 10 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND xã Hạ Bằng, Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thủy

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- UBND xã Hữu Bằng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Ngọc Sơn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- UBND xã Hữu Bằng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Ngọc Sơn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Bình;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Ngọc Sơn